

Bản án số: 63/2021/HS-PT

Ngày: 15 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm;
Ông Nguyễn Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Rửa xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị R; có vợ là Đặng Thị Thu T và 01 người con (sinh năm 2011); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12 tháng 10 năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong ngày 19 tháng 4 năm 2006 (đương nhiên xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2020, đến ngày 21 tháng 8 năm 2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Đặng Văn L, sinh năm 1969 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S (chết) và bà Trương Thị T (chết); có vợ là Châu Thị Kim L

(chết) và 02 người con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Lê Hồng Đ1, tên gọi khác: Lê Thị Đ1, sinh năm 1962 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn O (chết) và bà Huỳnh Thị T (chết); có chồng là Trần Văn T (chết) và 02 người con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25 tháng 6 năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, chấp hành xong ngày 30 tháng 8 năm 2010 (đương nhiên xóa án tích), ngày 09 tháng 4 năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 07 tháng 12 năm 2013 (đương nhiên xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2020, đến ngày 06 tháng 8 năm 2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

4. Phan Kim T, sinh năm 1965 tại TP V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trung N (chết) và bà Trần Thị A; có chồng là Nguyễn Văn H và 01 người con (sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12 tháng 3 năm 2021 bị Công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính số tiền là 2.000.000đ về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 17 tháng 3 năm 2021; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Trần Ngọc L1, tên gọi khác: N, sinh năm 1993 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh V, không xác định được họ tên mẹ; có chồng là Trần Duy K và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12 tháng 8 năm 2020 bị Công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000đ về hành vi đánh bạc ngày 23 tháng 12 năm 2019, chấp hành xong ngày 12 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà Đặng Văn L có nhiều đối tượng tham gia đánh bạc, vào lúc 13 giờ 55 phút ngày 20 tháng 5 năm

2020, lực lượng Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang tiến hành kiểm tra và bắt quả tang 11 đối tượng đánh bạc gồm: Đặng Văn L, Trương Thị Tuyết H, Trần Ngọc L1, Lê Mộng Ng, Lê Hồng Đ1, Nguyễn Thị Trúc M, Đỗ Chí C, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thị Bé Đ3, Dương Thị Bích T và Nguyễn Thị D.

Tang vật thu giữ gồm có:

- Thu giữ tại hiện trường: 6.600.000đ tiền Việt Nam; 01 chiếc chiếu lát dùng để đánh bạc; 36 bộ bài tây loại 52 lá, trong đó có 04 bộ đã qua sử dụng, 32 bộ chưa sử dụng; 01 cái ví da màu da bò, bên trong có 9.600.000đ tiền Việt Nam; 01 cái gối màu vàng (chưa kiểm tra bên trong); 01 cái lon, bên trong có 600.000đ tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động màu đen, loại bàn phím, có số seri: 357732102975023, đã qua sử dụng (không rõ nguồn gốc); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, đã qua sử dụng (của Đỗ Vũ N); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu hồng, đã qua sử dụng (của Trần Ngọc L1); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 màu đen, đã qua sử dụng (của Phan Kim T).

- Tạm giữ trên người các đối tượng gồm: Nguyễn Văn Đ2: 650.000đ tiền Việt Nam được để trong bóp và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 màu đen đã qua sử dụng; Đỗ Chí C: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8 màu xanh dương đã qua sử dụng; Lê Hồng Đ1: 9.000.000đ tiền Việt Nam để trong túi áo khoác bên phải và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đã qua sử dụng; Trần Ngọc L: 20.101.000đ tiền Việt Nam (trong đó: 101.000đ để trong túi áo khoác bên trái, 20.000.000đ để trong túi áo khoác bên phải được buộc dây thun) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng đã qua sử dụng; Nguyễn Thị Bé Đ3: 88.560.000đ tiền Việt Nam (trong đó: 30.900.000đ trong áo ngực, 13.900.000đ trong túi quần bên phải, 19.200.000đ trong túi quần bên trái, 24.500.000đ trong túi áo khoác bên trong, 60.000đ trong túi áo khoác bên ngoài) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone7 Plus đã qua sử dụng; Nguyễn Thị Trúc M: 21.900.000đ tiền Việt Nam (trong đó: 19.900.000đ trong túi áo khoác bên trái, 2.000.000đ trong túi áo khoác bên phải); Lê Mộng N: 170.000đ tiền Việt Nam trong túi áo khoác bên phải và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; Nguyễn Thị D: 24.490.000đ tiền Việt Nam (trong đó: 2.620.000đ được gấp đôi trong cái gối màu đen, 21.870.000đ bỏ trong cặp), 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu B242 màu bạc loại bàn phím đã qua sử dụng.

- Tạm giữ xung quanh điểm đánh bạc gồm: 01 điện thoại di động hiệu IteL màu đen, số IMEI1 358625100779422, đã qua sử dụng (của Đặng Văn L); 2.070.000đ tiền Việt Nam để trong bóp ở trong phòng ngủ của gia đình Đặng Văn L; 16.860.000đ tiền Việt Nam để trên tủ thờ (của Trương Thị Tuyết H); 48.500.000đ tiền Việt Nam để sau cánh cửa (của Đỗ Chí C); 01 xe mô tô hiệu Future, biển số 95B1-837.63, trong cốp xe có 18.600.000đ tiền Việt Nam để trong túi áo (của Nguyễn Văn Đ2); 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen xám, biển số 95B1-785.84, trong cốp xe có 590.000đ tiền Việt Nam (của Đỗ Chí C); 01 xe

mô tô hiệu Vision màu đỏ đen, biển số 95B1-557.07, trong cốp xe có 1.600.000đ tiền Việt Nam và 30.000.000đ tiền Việt Nam để trong bóp (của Nguyễn Thị Bé Đ3); 01 xe mô tô hiệu Nozza màu đỏ, biển số 95C1-095.70 của Trương Thị Tuyết H (do Nguyễn Phương T, anh rể H đứng tên đăng ký); 01 xe mô tô hiệu Vairo màu trắng, biển số 95B1-598.10 của Đỗ Vũ N; 01 xe mô tô hiệu Wave RS màu đỏ đen bạc, biển số 95F4-1046 của Nguyễn Thị Trúc M (do ông Huỳnh Hoài H, chồng của M đứng tên đăng ký); 01 xe mô tô hiệu Max màu vàng trắng, biển số 95AA-012.40 của Lê Mộng N; 01 xe mô tô hiệu Sirius RC màu đỏ đen, biển số 95C1-038.58 của Đặng Văn L; 01 xe mô tô hiệu Majesty màu đỏ, biển số 65H5-6215 của Nguyễn Thị D (do ông Nguyễn Thành Tr đứng tên đăng ký); 01 xe mô tô hiệu Vision màu đỏ nâu, biển số 95B1-832.89 của Nguyễn Kim H; 01 xe mô tô hiệu Sirius màu vàng đen, biển số 95B1-045.06 của Nguyễn Minh Đ (do bà Đặng Thị Thu T, vợ Đ đứng tên đăng ký).

Quá trình điều tra đã xác định được: Vào ngày 19 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Minh Đ tìm gặp Đặng Văn L đề xuất với L cho các đối tượng đánh bạc vào nhà L để đánh bạc, các đối tượng này sẽ cho L tiền để tiêu xài. Đến sáng ngày 20 tháng 5 năm 2020, Đ tiếp tục gặp L hỏi mượn nhà để cho các đối tượng đánh bạc tham gia đánh bạc và được L đồng ý. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, L sử dụng nhà của mình cho Nguyễn Minh Đ tổ chức đánh bạc để lấy tiền xâu, chiếc chiếu lát sử dụng đánh bạc là do L để sẵn trên nền nhà, riêng cái lon đựng tiền xâu là của gia đình L để trên bàn thờ nhưng không biết ai lấy xuống. Khi bị bắt quả tang, L chưa nhận được tiền xâu.

Tại sòng bạc, Đ đã thu tiền xâu với số tiền là 700.000đ mua thức ăn phục vụ các đối tượng đánh bạc và mua nhiều bộ bài tây cung cấp cho các đối tượng đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì Đ đã về nhà, đến ngày 21 tháng 5 năm 2020 thì ra đầu thú.

Đối với Trương Thị Tuyết H trước khi vào điểm đánh bạc có chỉ và kêu Đ1, L1 vào điểm đánh bạc. Khi đánh bạc, H là người thay bài mới cho các con bạc sử dụng đánh bạc, đồng thời kêu các con bạc bỏ tiền xâu và trực tiếp lấy tiền xâu bỏ vào lon cho L. Khi bắt quả tang, lực lượng Công an đã thu giữ được số tiền xâu bên trong cái lon là 600.000đ.

Các bị cáo tham gia đánh bạc gồm có: Đỗ Chí C, Lê Hồng Đ1, Nguyễn Văn Đ2, Trần Ngọc L1, Nguyễn Thị Bé Đ3, Nguyễn Thị Trúc M, Phan Kim T và Đỗ Vũ N cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài ngẫu hứng, chia mỗi người 05 lá (sử dụng bài tây 52 lá) rồi bình sao cho có số điểm (nút) tròn 10, hoặc 03 tây; mỗi ván có 01 người làm cái xoay vòng, những người còn lại tham gia tụ đặt để trực tiếp ăn thua với tụ làm cái, nếu ai lớn nút thì người đó thắng, trung bình mỗi tụ đặt từ 100.000đ đến 300.000đ mỗi ván. Với hình thức đánh bạc trên, các bị cáo đã tham gia đánh bạc trái phép cụ thể như sau:

Lê Hồng Đ1 sử dụng số tiền 1.000.000đ vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua hết 900.000đ, còn lại 100.000đ bị Công an tạm giữ. Trần Ngọc

L1 sử dụng số tiền 1.700.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thua 1.100.000đ, còn lại 600.000đ để trên chiếu bạc. Nguyễn Thị Trúc M sử dụng số tiền 1.000.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thắng 1.000.000đ. Nguyễn Thị Bé Đ3 sử dụng số tiền 3.000.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thua 2.400.000đ, còn lại 600.000đ để trên chiếu bạc. Nguyễn Chí C sử dụng số tiền 1.500.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thắng được 200.000đ, đến khi Đỗ Vũ N vào đánh bạc thì Công nghị đánh bạc cho đến khi lực lượng Công an bắt quả tang thì Công vẫn có mặt tại hiện trường nhưng chạy thoát, đến ngày 21 tháng 5 năm 2020 Công ra đầu thú. Nguyễn Văn Đ2 sử dụng số tiền 2.500.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thua 1.850.000đ. Đỗ Vũ N sử dụng số tiền 1.200.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thua 800.000đ, còn lại 400.000đ trên chiếu bạc. Phan Kim T sử dụng số tiền 10.000.000đ vào mục đích đánh bạc, kết quả thua 5.000.000đ, khi Công an bắt quả tang T chạy thoát cho đến ngày 22 tháng 5 năm 2020 ra đầu thú.

Tổng số tiền các bị cáo Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1, Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Thị Bé Đ3, Nguyễn Văn Đ2 và Phan Kim T sử dụng đánh bạc là 21.850.000đ; số tiền bị cáo Đỗ Chí C sử dụng đánh bạc là 20.700.000đ (do khi Đỗ Vũ N tham gia đánh bạc thì C đã nghỉ nên không tính số tiền sử dụng đánh bạc của N); số tiền bị cáo Đỗ Vũ N sử dụng đánh bạc là 20.150.000đ (do khi N tham gia đánh bạc thì Đỗ Chí C đã nghỉ).

Đối với các đối tượng Nguyễn Thị D, Trương Thị Tuyết N và Lê Mộng Ng không chứng minh được có tham gia đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Đặng Văn L và Trương Thị Tuyết H phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; tuyên bố các bị cáo Đỗ Vũ N, Lê Hồng Đ1, Đỗ Chí C, Trần Ngọc L, Nguyễn Thị Trúc M, Phan Kim T, Nguyễn Thị Bé Đ3 và Nguyễn Văn Đ2 phạm “Tội đánh bạc”.

1. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ và Đặng Văn L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ và Đặng Văn L mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án. Riêng bị cáo Nguyễn Minh Đ được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam là từ ngày 30/6/2020 đến ngày 21/8/2020 khi thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 65, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trương Thị Tuyết H.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện V giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Đặng Văn L, Trương Thị Tuyết H, mỗi bị cáo số tiền 20.000.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Hồng Đ1 và Đỗ Vũ N.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Chí C.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Vũ N, Lê Hồng Đ1 và Đỗ Chí C mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Các bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam khi thi hành án, cụ thể: bị cáo C, Đ1 từ ngày 30/6/2020 đến ngày 06/8/2020; bị cáo Nguyên từ ngày 30/6/2020 đến ngày 09/9/2020.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Ngọc L1.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Kim T.

Xử phạt các bị cáo Trần Ngọc L1, Phan Kim T, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 65, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Trúc M.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 65, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Bé Đ3 và Nguyễn Văn Đ2.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Thị Bé Đ3 và Nguyễn Văn Đ2 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo M cho UBND xã Đ, bị cáo Đ3 cho UBND xã Đ, huyện V, bị cáo Đ2 cho UBND phường A, thành phố V giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Vũ N, Lê Hồng Đ1, Đỗ Chí Công, Trần Ngọc L, Nguyễn Thị Trúc M, Phan Kim T, Nguyễn Thị Bé Đ3 và Nguyễn Văn Đ2, mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Minh Đ có đơn kháng cáo (không ghi ngày tháng) xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị cáo Đặng Văn L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, bị cáo Phan Kim T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, bị cáo Trần Ngọc L1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, bị cáo Lê Hồng Đ1 có đơn kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Hồng Đ1, Phan Kim T và Trần Ngọc L1; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đặng Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo đúng thời hạn, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó, đã có căn cứ kết luận:

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Minh Đ đã tổ chức cho các bị cáo Đỗ Vũ N, Lê Hồng Đ1, Đỗ Chí C, Trần Ngọc L1, Nguyễn Thị Trúc M, Phan Kim T, Nguyễn Thị Bé Đ3 và Nguyễn Văn Đ2 tham gia đánh bạc trái phép tại nhà của bị cáo Đặng Văn L; quá trình đánh bạc, bị cáo đã cung cấp bài tây, mua thức ăn cho các bị cáo tham gia đánh bạc và thu tiền xâu với số tiền là

700.000đ. Bị cáo Đặng Văn L đã sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc trái phép. Các bị cáo Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T đã tham gia đánh bạc trái phép với các bị cáo khác dưới hình thức sử dụng loại bài tây 52 lá để đánh bài ngẫu hăm, với định lượng số tiền đánh bạc được xác định là 21.850.000đ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh Đ là chỉ huy, tập hợp nhiều người tham gia đánh bạc trái phép với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 21.850.000đ, trực tiếp thu tiền xâu, mua thức ăn cho các con bạc và cung cấp bài tây cho các đối tượng đánh bạc; hành vi của bị cáo Đặng Văn L là giúp sức cho bị cáo Đ bằng việc sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình cho bị cáo Đ tổ chức đánh bạc, cung cấp chiếc chiếu lát cho các đối tượng đánh bạc sử dụng đánh bạc trái phép. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Đặng Văn L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T là đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài (loại bài tây 52 lá), với định lượng số tiền đánh bạc được xác định là 21.850.000đ; cố ý trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; tính chất, mức độ phạm tội cao hơn các bị cáo khác, trực tiếp chỉ huy, tập hợp nhiều người tham gia đánh bạc trái phép, thu tiền xâu và cung cấp bài tây phục vụ cho việc đánh bạc; về nhân thân bị cáo đã từng có 01 tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm, căn cứ hướng dẫn tại mục 7 phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử ghi nhận cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng không lấy làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ: Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 12 tháng tù đối với bị cáo là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, trong khi bị cáo chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để được hưởng mức hình phạt dưới khung theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo hay xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đặng Văn L: Tuy bị cáo cùng phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng như bị cáo Đ, nhưng bị cáo phạm tội lần đầu và có tính chất, mức độ phạm tội thấp hơn bị cáo Đ, chưa được hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc

của bị cáo Đ, không tham gia rủ rê, lôi kéo hay tập hợp các con bạc tham gia đánh bạc nên hành vi của bị cáo là đồng phạm có vị trí, vai trò thứ yếu, giúp sức không đáng kể. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hướng dẫn tại mục 4 phần I của Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao để cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Hồng Đ1: Tuy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng mức hình phạt 09 tháng tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm, được xem là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như bị cáo Đ. Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo đã từng có 02 tiền án về các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, đều bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, sau khi chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích, bị cáo không biết ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, tuy bị cáo được Hội đồng xét xử ghi nhận cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng không lấy làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo.

Đối với bị cáo Phan Kim T: Bị cáo phạm tội có tính chất, mức độ cao hơn so với các bị cáo tham gia đánh bạc khác, sử dụng số tiền đánh bạc đến 10.000.000đ (kết quả thua 5.000.000đ) là cao hơn rất nhiều lần so với các bị cáo khác. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm nên cũng được xem xét áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như bị cáo Đ và bị cáo Đ1, nhưng Hội đồng xét xử không lấy làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ: Sau khi bị khởi tố, truy tố chờ xét xử, đến ngày 21 tháng 02 năm 2021 bị cáo tiếp tục

thực hiện hành vi đánh bạc và bị xử phạt hành chính, chứng minh ý thức của bị cáo là xem thường chế tài của pháp luật nên cũng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 06 tháng tù là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã xem xét đầy đủ các quy định khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo hay xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Ngọc L1: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có tính chất, mức độ phạm tội như bị cáo Đ1; được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo vào ngày 12 tháng 8 năm 2020 bị Công an huyện V xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000đ về hành vi đánh bạc diễn ra ngày ngày 23 tháng 12 năm 2019, chứng minh bị cáo đã bị cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm về hành vi đánh bạc trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không nhận thức được hành vi vi phạm của mình để tu dưỡng bản thân, mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc với tính chất, mức độ cao hơn nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo. Cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Đối với tình tiết bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là một trong những căn cứ để bị cáo yêu cầu hoãn thi hành án, không phải là tình tiết giảm nhẹ nên không được xem xét. Bị cáo kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung, xin được hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị cáo thuộc diện hộ nghèo hay hộ cận nghèo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Văn L.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Hồng Đ, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Đặng Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Hồng Đ1, Phan Kim T và Trần Ngọc L1 phạm tội “Đánh bạc”.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Văn L; các khoản 1, 3 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Hồng Đ1; các khoản 1, 3 Điều 321, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Kim T; các khoản 1, 3 Điều 321, Điều 38, các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Ngọc L1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 8 năm 2020. Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp phạt xong, không phải nộp thêm.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2021); giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục; trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Đ1 09 (chín) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 06 tháng 8 năm 2020. Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp phạt xong, không phải nộp thêm.

Xử phạt bị cáo Phan Kim T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo số tiền

là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp phạt xong, không phải nộp thêm.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 21, các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Hồng Đ1, Trần Ngọc L1 và Phan Kim T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CA, Chi cục THADS huyện V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng